

stt	Họ và tên người học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành Đào tạo Chuyên ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng	
															Ký	Họ và tên
1	Nguyễn Thị Tô <i>Anh</i>	15/07/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	A 448001	387/QĐ-TCĐL TTP-ĐT ngày 20/07/2009	1 /2009		
2	Nguyễn Thị <i>Bình</i>	02/02/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	A 448002		2 /2009		
3	Ngô Thị <i>Búp</i>	16/06/1989	Nữ	Kinh	A31.1	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448003		3 /2009		
4	Nguyễn Bá <i>Chung</i>	28/12/1985	Nam	Kinh	A31.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	A 448004		4 /2009		
5	Nguyễn Thị Mỹ <i>Dung</i>	20/02/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	A 448005		5 /2009		
6	Đỗ Thị <i>Duyên</i>	19/04/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	Giỏi	CQui	A 448006		6 /2009		
7	Đoàn Thị <i>Hằng</i>	20/08/1985	Nữ	Kinh	A31.1	Nghệ An	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	A 448007		7 /2009		
8	Trần Thị Xuân <i>Hằng</i>	19/02/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Quảng Trị	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	A 448008		8 /2009		
9	Hồ Thị <i>Hạnh</i>	01/01/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Đắk Lắk	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448009		9 /2009		
10	Nguyễn Thị <i>Hiền</i>	13/05/1989	Nữ	Kinh	A31.1	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448010		10 /2009		
11	Phạm Thị Xuân <i>Hương</i>	23/01/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Huế	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448011		11 /2009		
12	Trần Thị Bích <i>Lanh</i>	23/11/1989	Nữ	Kinh	A31.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	Giỏi	CQui	A 448012		12 /2009		
13	Võ Thị Tuyết <i>Mai</i>	16/09/1984	Nữ	Kinh	A31.1	Nghệ An	2007-2009	2009	HTKT	Giỏi	CQui	A 448013		13 /2009		
14	Lê Thị Bích <i>Ngân</i>	28/06/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448014		14 /2009		
15	Phan Thị <i>Ngân</i>	10/06/1987	Nữ	Kinh	A31.1	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	HTKT	Giỏi	CQui	A 448015		15 /2009		
16	Trần Thị <i>Ngọc</i>	02/02/1987	Nữ	Kinh	A31.1	Nghệ An	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	A 448016		16 /2009		
17	Nguyễn Thị <i>Nguyệt</i>	12/06/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	A 448017		17 /2009		
18	Hoàng Thị Ý <i>Nhi</i>	18/12/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Thừa Thiên Huế	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448018		18 /2009		
19	Lương Thị <i>Nhung</i>	01/02/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448019		19 /2009		
20	Thiều Thị <i>Nhung</i>	03/06/1987	Nữ	Kinh	A31.1	Thanh Hoá	2007-2009	2009	HTKT	Giỏi	CQui	A 448020		20 /2009		
21	Nguyễn Thị Út <i>Oanh</i>	15/09/1987	Nữ	Kinh	A31.1	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	A 448021		21 /2009		
22	Trương Thị Minh <i>Phương</i>	08/03/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Q.Nam Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448022		22 /2009		
23	Phan Thị Lệ <i>Phương</i>	05/02/1989	Nữ	Kinh	A31.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448023		23 /2009		
24	Nguyễn Thị <i>Phúc</i>	26/07/1987	Nữ	Kinh	A31.1	Nghệ An	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448024		24 /2009		
25	Phạm Thị <i>Phụng</i>	08/10/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448025		25 /2009		

stt	Họ và tên người học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành Đào tạo Chuyên ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng	
															Ký	Họ và tên
26	Lê Thị Diễm <i>Sa</i>	20/06/1989	Nữ	Kinh	A31.1	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448026	387/QĐ-TCĐL TTP-ĐT ngày 20/07/2009	26 /2009		
27	Đỗ Thị <i>Tài</i>	21/12/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	A 448027		27 /2009		
28	Nguyễn Thị Anh <i>Thư</i>	22/09/1989	Nữ	Kinh	A31.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448028		28 /2009		
29	Trần Thị <i>Thìn</i>	04/03/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Quảng Bình	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448029		29 /2009		
30	Võ Thị <i>Thương</i>	06/10/1989	Nữ	Kinh	A31.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448030		30 /2009		
31	Trần Thị Bích <i>Thảo</i>	05/10/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Quảng Trị	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448031		31 /2009		
32	Trương Thị <i>Thiện</i>	02/02/1987	Nữ	Kinh	A31.1	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448032		32 /2009		
33	Phạm Thị Lệ <i>Thu</i>	28/09/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448033		33 /2009		
34	Huỳnh Thị Thi <i>Toàn</i>	22/07/1989	Nữ	Kinh	A31.1	Q.Nam Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448034		34 /2009		
35	Lê Quỳnh <i>Trang</i>	08/05/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448035		35 /2009		
36	Lê Thị Kiều <i>Vân</i>	22/03/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448036		36 /2009		
37	Lê Thị <i>Yến</i>	15/12/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448037		37 /2009		
38	Hoàng Việt <i>Anh</i>	13/04/1987	Nữ	Kinh	A31.2	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	A 448038		38 /2009		
39	Nguyễn Thị Hoa <i>Diễm</i>	25/05/1989	Nữ	Kinh	A31.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448039		39 /2009		
40	Đỗ Thị Mỹ <i>Duyên</i>	04/02/1988	Nữ	Kinh	A31.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	A 448040		40 /2009		
41	Trần Thị <i>Định</i>	21/02/1986	Nữ	Kinh	A31.2	Bình Trị Thiên	2007-2009	2009	HTKT	Giỏi	CQui	A 448041		41 /2009		
42	Lương Thị Mỹ <i>Hằng</i>	24/08/1988	Nữ	Kinh	A31.2	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448042		42 /2009		
43	Nguyễn Thị Lệ <i>Hiếu</i>	01/01/1987	Nữ	Kinh	A31.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	Giỏi	CQui	A 448043		43 /2009		
44	Đặng Thị <i>Lệ</i>	21/03/1987	Nữ	Kinh	A31.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448044		44 /2009		
45	Lê Thị <i>Hương</i>	12/07/1988	Nữ	Kinh	A31.2	Thanh Hoá	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448045		45 /2009		
46	Dương Thị Kim <i>Liên</i>	01/01/1988	Nữ	Kinh	A31.2	Bình Trị Thiên	2007-2009	2009	HTKT	Giỏi	CQui	A 448046		46 /2009		
47	Trần Võ Thị Kiều <i>Loan</i>	01/10/1987	Nữ	Kinh	A31.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	A 448047		47 /2009		
48	Lê Thị Hồng <i>Luyên</i>	01/04/1987	Nữ	Kinh	A31.2	Quảng Trị	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448048		48 /2009		
49	Cao Thị <i>Mến</i>	01/12/1989	Nữ	Kinh	A31.2	Quảng Trị	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448049		49 /2009		
50	Nguyễn Thị Trà <i>My</i>	05/01/1989	Nữ	Kinh	A31.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	Giỏi	CQui	A 448050		50 /2009		

stt	Họ và tên người học		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành Đào tạo Chuyên ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng	
																Ký	Họ và tên
51	Nguyễn Thị Thu	Ngân	10/02/1989	Nữ	Kinh	A31.2	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 522098	387/QĐ-TCĐLTTP-ĐT ngày 20/07/2009	51 /2009		
52	Lê Thị Kim	Nguyên	01/01/1988	Nữ	Kinh	A31.2	Q.Nam Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448052		52 /2009		
53	Ngô Thị	Nhị	10/09/1988	Nữ	Kinh	A31.2	Gia Lai	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448053		53 /2009		
54	Nguyễn Kim	Phượng	09/07/1988	Nữ	Kinh	A31.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448054		54 /2009		
55	Trần Thị Thanh	Tâm	27/09/1989	Nữ	Kinh	A31.2	Phú Yên	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448055		55 /2009		
56	Lê Thị Ngọc	Tường	31/03/1989	Nữ	Kinh	A31.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448056		56 /2009		
57	Trương Thị Mỹ	Thoa	20/08/1989	Nữ	Kinh	A31.2	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448057		57 /2009		
58	Đặng Thị	Thu	05/03/1989	Nữ	Kinh	A31.2	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448058		58 /2009		
59	Mai Thị	Thuận	20/06/1989	Nữ	Kinh	A31.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	Giỏi	CQui	A 448059		59 /2009		
60	Nguyễn Thị Thu	Tiên	07/01/1988	Nữ	Kinh	A31.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448060		60 /2009		
61	Phạm Thị Hồng	Trâm	12/02/1988	Nữ	Kinh	A31.2	Nghệ An	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	A 448061		61 /2009		
62	Trần Thị Hồng	Trang	05/11/1987	Nữ	Kinh	A31.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448062		62 /2009		
63	Võ Thị Thanh	Trang	16/12/1986	Nữ	Kinh	A31.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	Giỏi	CQui	A 448063		63 /2009		
64	Phan Thị Thu	Trinh	26/07/1987	Nữ	Kinh	A31.2	Bình Trị Thiên	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448064		64 /2009		
65	Lê Thị Thanh	Tuyền	12/02/1986	Nữ	Kinh	A31.2	Quảng Bình	2007-2009	2009	HTKT	Giỏi	CQui	A 448065		65 /2009		
66	Nguyễn Thị	Xuân	18/09/1989	Nữ	Kinh	A31.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448066		66 /2009		
67	Lê Đức	Anh	20/08/1987	Nam	Kinh	A31.3	Quảng Bình	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448067		67 /2009		
68	Lê Thị Thanh	Bình	26/05/1989	Nữ	Kinh	A31.3	Q.Nam Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448068		68 /2009		
69	Huỳnh Thị	Chung	16/01/1988	Nữ	Kinh	A31.3	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	Giỏi	CQui	A 448069		69 /2009		
70	Bùi Thị	Hơn	12/11/1987	Nữ	Kinh	A31.3	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448070		70 /2009		
71	Nguyễn Thị	Hồng	06/02/1984	Nữ	Kinh	A31.3	Nghệ An	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448071		71 /2009		
72	Trần Thị Thanh	Hiền	08/08/1989	Nữ	Kinh	A31.3	Q.Nam Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448072		72 /2009		
73	Nguyễn Thị	Hưng	01/03/1988	Nữ	Kinh	A31.3	Đăk Lăk	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448073		73 /2009		
74	Lê Thị Minh	Huệ	20/11/1985	Nữ	Kinh	A31.3	Gia Lai	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448074		74 /2009		
75	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	17/06/1987	Nữ	Kinh	A31.3	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448075		75 /2009		

stt	Họ và tên người học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành Đào tạo Chuyên ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng	
															Ký	Họ và tên
76	Trần Thị Mỹ <i>Linh</i>	28/11/1987	Nữ	Kinh	A31.3	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448076	387/QĐ-TCĐL TTP-ĐT ngày 20/07/2009	76 /2009		
77	Phạm Thị Hương <i>Ly</i>	25/02/1986	Nữ	Kinh	A31.3	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	HTKT	Giỏi	CQui	A 448077		77 /2009		
78	Nguyễn Thị <i>Ly</i>	01/01/1988	Nữ	Kinh	A31.3	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448078		78 /2009		
79	Dương Thị <i>Mai</i>	08/03/1989	Nữ	Kinh	A31.3	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448079		79 /2009		
80	Lê Thị <i>Na</i>	02/01/1988	Nữ	Kinh	A31.3	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448080		80 /2009		
81	Lâm Dạ <i>Ngân</i>	01/01/1989	Nữ	Kinh	A31.3	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448081		81 /2009		
82	Phạm Thủy <i>Ngân</i>	18/08/1987	Nữ	Kinh	A31.3	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448082		82 /2009		
83	Nguyễn Thị Như <i>Ngọc</i>	04/08/1989	Nữ	Kinh	A31.3	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448083		83 /2009		
84	Trần Thị Thanh <i>Nhạn</i>	28/06/1988	Nữ	Kinh	A31.3	Quảng Trị	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448084		84 /2009		
85	Nguyễn Thị <i>Nhung</i>	18/11/1988	Nữ	Kinh	A31.3	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448085		85 /2009		
86	Đặng Thị Thúy <i>Phượng</i>	03/02/1988	Nữ	Kinh	A31.3	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	TB Bình	CQui	A 448086		86 /2009		
87	Đoàn Thị Hồng <i>Phú</i>	03/06/1989	Nữ	Kinh	A31.3	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448087		87 /2009		
88	Võ Thị Anh <i>Thư</i>	04/11/1988	Nữ	Kinh	A31.3	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448088		88 /2009		
89	Lê Thị Xuân <i>Thương</i>	24/10/1987	Nữ	Kinh	A31.3	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448089		89 /2009		
90	Nguyễn Thị <i>Thảo</i>	04/08/1988	Nữ	Kinh	A31.3	Nghệ An	2007-2009	2009	HTKT	Khá	CQui	A 448090		90 /2009		
91	Phan Thị <i>Thủy</i>	11/06/1989	Nữ	Kinh	A31.3	Nghệ An	2007-2009	2009	HTKT	TB Bình	CQui	A 448091		91 /2009		
92	Trần Thị Lệ <i>Thu</i>	01/10/1987	Nữ	Kinh	A31.3	Gia Lai	2007-2009	2009	HTKT	Giỏi	CQui	A 448092		92 /2009		
93	Lê Thị Ngọc <i>Tuyền</i>	18/11/1988	Nữ	Kinh	A31.3	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TB Khá	CQui	A 448093		93 /2009		
94	Trần Thị <i>Vân</i>	15/06/1988	Nữ	Kinh	A31.3	Bình Trị Thiên	2007-2009	2009	HTKT	Giỏi	CQui	A 448094		94 /2009		
95	Nguyễn Thị Mỹ <i>Dung</i>	15/10/1989	Nữ	Kinh	AH14.1	Đắk Lắk	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448095		95 /2009		
96	Trần Thị Anh <i>Đào</i>	09/01/1989	Nữ	Kinh	AH14.1	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448096		96 /2009		
97	Nguyễn Thị <i>Hà</i>	14/03/1987	Nữ	Kinh	AH14.1	Nghệ An	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448097		97 /2009		
98	Phạm Hồng <i>Hạnh</i>	09/09/1988	Nữ	Kinh	AH14.1	Bình Trị Thiên	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448098		98 /2009		
99	Nguyễn Thị <i>Hoa</i>	11/02/1988	Nữ	Kinh	AH14.1	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448099		99 /2009		
100	Cao Thị Hiếu <i>Hòa</i>	06/11/1988	Nữ	Kinh	AH14.1	Khánh Hoà	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448100		100 /2009		

stt	Họ và tên người học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành Đào tạo Chuyên ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng	
															Ký	Họ và tên
101	Lê Thị Kim <i>Ka</i>	10/11/1987	Nữ	Kinh	AH14.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	A 448101	387/QĐ-TCĐLTTP-ĐT ngày 20/07/2009	101 /2009		
102	Phan Thị <i>Kiều</i>	12/01/1989	Nữ	Kinh	AH14.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448102		102 /2009		
103	Đỗ Thị <i>Lành</i>	10/10/1987	Nữ	Kinh	AH14.1	Gia Lai	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448103		103 /2009		
104	Lê Thị Thanh <i>Loan</i>	16/02/1988	Nữ	Kinh	AH14.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	A 448104		104 /2009		
105	Nguyễn Thị <i>Long</i>	16/11/1986	Nữ	Kinh	AH14.1	Quảng Bình	2007-2009	2009	KTTH	Giỏi	CQui	A 448105		105 /2009		
106	Nguyễn Thế Quỳnh <i>Như</i>	08/08/1988	Nữ	Kinh	AH14.1	Quảng Trị	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448106		106 /2009		
107	Võ Thị Thuý <i>Nhung</i>	21/09/1989	Nữ	Kinh	AH14.1	Bình Định	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448107		107 /2009		
108	Ngô Thị Kim <i>Oanh</i>	11/06/1989	Nữ	Kinh	AH14.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448108		108 /2009		
109	Lê Thị Ái <i>Phương</i>	01/11/1987	Nữ	Kinh	AH14.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448109		109 /2009		
110	Nguyễn Thị Thanh <i>Sang</i>	18/04/1987	Nữ	Kinh	AH14.1	Quảng Trị	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448110		110 /2009		
111	Nguyễn Thị <i>Sinh</i>	02/07/1987	Nữ	Kinh	AH14.1	Ninh Bình	2007-2009	2009	KTTH	Giỏi	CQui	A 448111		111 /2009		
112	Nguyễn Thị Xuân <i>Thìn</i>	12/01/1988	Nữ	Kinh	AH14.1	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448112		112 /2009		
113	Phạm Thị <i>Thương</i>	10/07/1987	Nữ	Kinh	AH14.1	Quảng Bình	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448113		113 /2009		
114	Nguyễn Văn <i>Thọ</i>	20/03/1989	Nam	Kinh	AH14.1	Bình Định	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448114		114 /2009		
115	Nguyễn Thị Thu <i>Thủy</i>	03/09/1988	Nữ	Kinh	AH14.1	Quảng Trị	2007-2009	2009	KTTH	Giỏi	CQui	A 448115		115 /2009		
116	Lê Thị Triều <i>Tiên</i>	04/03/1987	Nữ	Kinh	AH14.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	A 448116		116 /2009		
117	Lê Thị <i>Trang</i>	21/07/1989	Nữ	Kinh	AH14.1	Thanh Hoá	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448117		117 /2009		
118	Đặng Thị Hồng <i>Vy</i>	16/04/1989	Nữ	Kinh	AH14.1	Q.Nam Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448118		118 /2009		
119	Trần Thị Hồng <i>Chuyên</i>	17/05/1989	Nữ	Kinh	AH14.2	Bình Định	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448119		119 /2009		
120	Lê Thị <i>Cầm</i>	10/02/1987	Nữ	Kinh	AH14.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448120		120 /2009		
121	Trần Vũ Ngọc <i>Diệp</i>	24/05/1989	Nữ	Kinh	AH14.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	Giỏi	CQui	A 448121		121 /2009		
122	Hồ Thị <i>Hà</i>	10/10/1987	Nữ	Kinh	AH14.2	Q.Nam Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	A 448122		122 /2009		
123	Lê Hồng <i>Hạnh</i>	12/03/1989	Nữ	Kinh	AH14.2	Bình Trị Thiên	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448123		123 /2009		
124	Phạm Thị Mỹ <i>Hiền</i>	27/03/1989	Nữ	Kinh	AH14.2	Bình Định	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448124		124 /2009		
125	Nguyễn Thị Hồng <i>Hương</i>	01/08/1989	Nữ	Kinh	AH14.2	Bình Định	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448125		125 /2009		

stt	Họ và tên người học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành Đào tạo Chuyên ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng	
															Ký	Họ và tên
126	Nguyễn Thị Kim <i>Huyền</i>	18/07/1988	Nữ	Kinh	AH14.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	Giỏi	CQui	A 448126	387/QĐ-TCĐLTTP-ĐT ngày 20/07/2009	126 /2009		
127	Bùi Thị <i>Lời</i>	04/11/1988	Nữ	Kinh	AH14.2	Thừa Thiên Huế	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448127		127 /2009		
128	Trần Thị <i>Lưu</i>	01/08/1988	Nữ	Kinh	AH14.2	Quảng Bình	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	A 448128		128 /2009		
129	Nguyễn Thị Hàn <i>Mi</i>	05/09/1989	Nữ	Kinh	AH14.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448129		129 /2009		
130	Lê Thị Kiều <i>My</i>	19/11/1987	Nữ	Kinh	AH14.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448130		130 /2009		
131	Nguyễn Thị <i>Ngân</i>	03/07/1986	Nữ	Kinh	AH14.2	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448131		131 /2009		
132	Võ Hoàn <i>Ni</i>	02/12/1989	Nữ	Kinh	AH14.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	KTTH	Giỏi	CQui	A 448132		132 /2009		
133	Trần Thị Thu <i>Phuong</i>	13/01/1988	Nữ	Kinh	AH14.2	Thừa Thiên Huế	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448133		133 /2009		
134	Bùi Văn <i>Quang</i>	12/03/1988	Nam	Kinh	AH14.2	Quảng Bình	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448134		134 /2009		
135	Phan Thị Thanh <i>Tâm</i>	12/11/1989	Nữ	Kinh	AH14.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448135		135 /2009		
136	Bùi Văn <i>Thành</i>	06/06/1989	Nam	Kinh	AH14.2	Quảng Bình	2007-2009	2009	KTTH	Giỏi	CQui	A 448136		136 /2009		
137	Nguyễn Thị Thanh <i>Thúy</i>	26/03/1988	Nữ	Kinh	AH14.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448137		137 /2009		
138	Trần Thị <i>Thuỷ</i>	20/01/1989	Nữ	Kinh	AH14.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	A 448138		138 /2009		
139	Hoàng Thị Quỳnh <i>Trang</i>	06/11/1989	Nữ	Kinh	AH14.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	Giỏi	CQui	A 448139		139 /2009		
140	Trần Nam <i>Trung</i>	10/06/1984	Nam	Kinh	AH14.2	Quảng Bình	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448140		140 /2009		
141	Trần Hồng <i>Đán</i>	28/12/1988	Nam	Kinh	AH14.3	Đắk Lắk	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448141		141 /2009		
142	Phạm Thị <i>Dung</i>	31/08/1986	Nữ	Kinh	AH14.3	Đắk Lắk	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448142		142 /2009		
143	Nguyễn Thị <i>Hương</i>	22/09/1987	Nữ	Kinh	AH14.3	Nghệ An	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	A 448143		143 /2009		
144	Lương Thị <i>Hà</i>	10/06/1989	Nữ	Kinh	AH14.3	Lâm Đồng	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448144		144 /2009		
145	Nguyễn Thị <i>Hoa</i>	23/01/1987	Nữ	Kinh	AH14.3	Hải Dương	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448145		145 /2009		
146	Lê Thị <i>Lan</i>	10/12/1988	Nữ	Kinh	AH14.3	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448146		146 /2009		
147	Nguyễn Thị Hương <i>Lan</i>	06/05/1978	Nữ	Kinh	AH14.3	Đắk Lắk	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448147		147 /2009		
148	Trương Thị Mỹ <i>Linh</i>	20/01/1987	Nữ	Kinh	AH14.3	Đắk Lắk	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448148		148 /2009		
149	Vương Thị Bích <i>Ngọc</i>	16/02/1987	Nữ	Kinh	AH14.3	Đắk Lắk	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448149		149 /2009		
150	Me Thị Thanh <i>Nguyệt</i>	21/11/1988	Nữ	Thái	AH14.3	Đắk Lắk	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448150		150 /2009		

stt	Họ và tên người học		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành Đào tạo Chuyên ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng	
																Ký	Họ và tên
151	Phạm Thị	Nguyệt	07/02/1988	Nữ	Kinh	AH14.3	Đăk Lăk	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	A 448151	387/QĐ-TCĐLTTP-ĐT ngày 20/07/2009	151 /2009		
152	Y Bô	Niê	01/01/1988	Nam	Ê Đê	AH14.3	Đăk Lăk	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	A 448152		152 /2009		
153	Trần Tô	Ny	01/04/1988	Nam	Kinh	AH14.3	Gia Lai	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	A 448153		153 /2009		
154	Trần Nữ Lan	Phương	15/08/1986	Nữ	Kinh	AH14.3	Đăk Lăk	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448154		154 /2009		
155	Lê Thị	Quyên	05/09/1988	Nữ	Kinh	AH14.3	Thái Bình	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448155		155 /2009		
156	Võ Đình	Tinh	25/10/1987	Nam	Kinh	AH14.3	Khánh Hòa	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448156		156 /2009		
157	Lê Thị	Thanh	10/10/1987	Nữ	Kinh	AH14.3	Thanh Hoá	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	A 448157		157 /2009		
158	Lâm Thị Thu	Thương	04/01/1986	Nữ	Kinh	AH14.3	Đăk Lăk	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448158		158 /2009		
159	Huỳnh Ngọc	Tháo	02/11/1985	Nam	Kinh	AH14.3	Đăk Lăk	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448159		159 /2009		
160	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	20/10/1986	Nữ	Kinh	AH14.3	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	KTTH	Khá	CQui	A 448160		160 /2009		
161	Vương Thị Mộng	Thúy	14/10/1970	Nữ	Kinh	AH14.3	Quy Nhơn	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448161		161 /2009		
162	Lê Thị	Tú	04/12/1984	Nữ	Kinh	AH14.3	Hà Tây	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448162		162 /2009		
163	Trương Thị Phương	Trang	20/02/1988	Nữ	Kinh	AH14.3	Đăk Lăk	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448163		163 /2009		
164	Lê Văn	Tín	25/02/1983	Nam	Kinh	AH14.3	Đăk Lăk	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448164		164 /2009		
165	Đoàn Thị	Xuân	11/04/1986	Nữ	Kinh	AH14.3	Nghệ An	2007-2009	2009	KTTH	TB Khá	CQui	A 448165		165 /2009		
166	Mai Văn	Ba	15/08/1987	Nam	Kinh	C19.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448166		166 /2009		
167	Trần Thị	Dự	01/01/1988	Nữ	Kinh	C19.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448167		167 /2009		
168	Thủy Ngọc	Dương	15/04/1989	Nam	Kinh	C19.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448168		168 /2009		
169	Lê Thị Ngọc	Hân	09/04/1988	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448169		169 /2009		
170	Nguyễn Thị	Hằng	11/08/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Nghệ An	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448170		170 /2009		
171	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01/10/1988	Nữ	Kinh	C19.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448171		171 /2009		
172	Đồng Thị Kim	Hồng	16/07/1987	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448172		172 /2009		
173	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	02/06/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448173		173 /2009		
174	Hồ Thị Ngọc	Lệ	04/11/1988	Nữ	Kinh	C19.1	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448174		174 /2009		
175	Nguyễn Thị Kim	Liên	28/06/1988	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Trị Thiên	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448175		175 /2009		

stt	Họ và tên người học		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành Đào tạo Chuyên ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng	
																Ký	Họ và tên
176	Đậu Thị Hải	Liên	10/07/1988	Nữ	Kinh	C19.1	Nghệ An	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448176	387/QĐ-TCĐL TTP-ĐT ngày 20/07/2009	176 /2009		
177	Hồ Thị	Lộc	26/01/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Nghệ An	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448177		177 /2009		
178	Đỗ Thị	Long	12/09/1988	Nữ	Kinh	C19.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448178		178 /2009		
179	Trương Thị	Ly	26/04/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448179		179 /2009		
180	Bùi Thị Hoà	Mỹ	26/11/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448180		180 /2009		
181	Lê Thị Lê	Na	03/05/1988	Nữ	Kinh	C19.1	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448181		181 /2009		
182	Huỳnh Thị	Nở	26/08/1988	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448182		182 /2009		
183	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhật	03/11/1986	Nữ	Kinh	C19.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448183		183 /2009		
184	Bùi Thị	Nhung	02/07/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448184		184 /2009		
185	Nguyễn Thị Bích	Nhuồng	28/08/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448185		185 /2009		
186	Kiều Thị	Nữ	15/03/1988	Nữ	Kinh	C19.1	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448186		186 /2009		
187	Trần Thị	Nuong	01/01/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448187		187 /2009		
188	Nguyễn Đình	Phong	15/09/1989	Nam	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448188		188 /2009		
189	Nguyễn Thị Diễm	Phúc	28/10/1987	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448189		189 /2009		
190	Trần Thị	Phương	10/03/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448190		190 /2009		
191	Võ Thị Mỹ	Phương	16/02/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448191		191 /2009		
192	Dương Thanh	Sơn	20/05/1988	Nam	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448192		192 /2009		
193	Phạm Thị Ngọc	Thạch	01/01/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448193		193 /2009		
194	Phạm Thị	Thanh	25/05/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Trị Thiên	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448194		194 /2009		
195	Ngô Thị	Thảo	01/07/1988	Nữ	Kinh	C19.1	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448195		195 /2009		
196	Đinh Thị Như	Thảo	20/10/1987	Nữ	Kinh	C19.1	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448196		196 /2009		
197	Trần Thị	Thật	02/02/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448197		197 /2009		
198	Lâm Thị Thu	Thoa	16/07/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	Giỏi	CQui	A 448198		198 /2009		
199	Nguyễn Thị Trung	Thu	14/09/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Quảng Trị	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448199		199 /2009		
200	Huỳnh Bá	Thuần	07/03/1988	Nam	Kinh	C19.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448200		200 /2009		

stt	Họ và tên người học		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành Đào tạo Chuyên ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng	
																Ký	Họ và tên
201	Võ Thị Minh	Thùy	20/10/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448201	387/QĐ-TCĐL TTP-ĐT ngày 20/07/2009	201 /2009		
202	Lê Thị Thanh	Thủy	29/06/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448202		202 /2009		
203	Lê Quang	Tiến	15/02/1989	Nam	Kinh	C19.1	Gia Lai- Kon Tum	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448203		203 /2009		
204	Cao Thị	Tính	06/09/1988	Nữ	Kinh	C19.1	Thanh Hoá	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448204		204 /2009		
205	Đỗ Ngọc	Toàn	20/09/1987	Nam	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448205		205 /2009		
206	Võ Thị	Trà	26/03/1988	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448206		206 /2009		
207	Bạch Thị Thùy	Trang	10/05/1988	Nữ	Kinh	C19.1	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448207		207 /2009		
208	Nguyễn Đình	Trí	01/08/1986	Nam	Kinh	C19.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448208		208 /2009		
209	Nguyễn Thị Kim	Trường	27/04/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448209		209 /2009		
210	Phan Thị	Tư	05/06/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448210		210 /2009		
211	Phan Thị Minh	Yến	16/11/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448211		211 /2009		
212	Phạm Thị Ngọc	Bích	20/07/1988	Nữ	Kinh	C19.2	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 522099		212 /2009		
213	Phan Thị Thanh	Bình	22/05/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448213		213 /2009		
214	Lê Thị Thanh	Chi	28/08/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448214		214 /2009		
215	Nguyễn Thị Kim	Chi	02/03/1988	Nữ	Kinh	C19.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448215		215 /2009		
216	Nguyễn Thị	Diễm	10/04/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448216		216 /2009		
217	Vũ Thị	Dung	10/10/1987	Nữ	Kinh	C19.2	Thanh Hoá	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448217		217 /2009		
218	Hoàng Thị Anh	Đào	15/01/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Trị	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448218		218 /2009		
219	Võ Thành	Đại	19/07/1988	Nam	Kinh	C19.2	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 522100		219 /2009		
220	Trần Văn	Điền	17/03/1987	Nam	Kinh	C19.2	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448220		220 /2009		
221	Ngô Thị	Đường	02/07/1988	Nữ	Kinh	C19.2	Hưng Yên	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448221		221 /2009		
222	Lê Thị	Hạnh	22/09/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Trị	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448222		222 /2009		
223	Nguyễn Thị	Hiền	19/01/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448223		223 /2009		
224	Nguyễn Thị Thu	Hiền	24/07/1988	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448224		224 /2009		
225	Huỳnh Thị	Hoa	20/10/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448225		225 /2009		

stt	Họ và tên người học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành Đào tạo Chuyên ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng	
															Ký	Họ và tên
226	Trần Văn <i>Khiêm</i>	12/09/1988	Nam	Kinh	C19.2	Khánh Hoà	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448226	387/QĐ-TCĐL TTP-ĐT ngày 20/07/2009	226 /2009		
227	Bùi Thị Thanh <i>Kiều</i>	20/02/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448227		227 /2009		
228	Thái Thị Mỹ <i>Lệ</i>	20/10/1988	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448228		228 /2009		
229	Trần Thị Bích <i>Liên</i>	20/04/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448229		229 /2009		
230	Phạm Thị <i>Loan</i>	14/12/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448230		230 /2009		
231	Nguyễn Thị <i>Lợi</i>	20/02/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448231		231 /2009		
232	Trần Thị <i>Long</i>	15/07/1988	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448232		232 /2009		
233	Võ Thị <i>Lưỡng</i>	15/02/1988	Nữ	Kinh	C19.2	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448233		233 /2009		
234	Nguyễn Thị <i>Ngọc</i>	06/05/1988	Nữ	Kinh	C19.2	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448234		234 /2009		
235	Nguyễn Thị Mỹ <i>Ngọc</i>	30/12/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448235		235 /2009		
236	Đặng Văn <i>Nhon</i>	01/02/1988	Nữ	Kinh	C19.2	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448236		236 /2009		
237	Phan Thị <i>Nương</i>	20/10/1988	Nữ	Kinh	C19.2	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448237		237 /2009		
238	Nguyễn Hồng <i>Phúc</i>	06/05/1988	Nam	Kinh	C19.2	Hồ Chí Minh	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448238		238 /2009		
239	Đỗ Minh <i>Phương</i>	02/11/1988	Nam	Kinh	C19.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448239		239 /2009		
240	Thái Thị <i>Sen</i>	15/08/1988	Nữ	Kinh	C19.2	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448240		240 /2009		
241	Nguyễn Thị <i>Sương</i>	01/01/1987	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448241		241 /2009		
242	Nguyễn Thị Thu <i>Thắm</i>	04/04/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Bình	CQui	A 448242		242 /2009		
243	Đặng Thị Phương <i>Thanh</i>	08/09/1988	Nữ	Kinh	C19.2	Bình Trị Thiên	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Bình	CQui	A 448243		243 /2009		
244	Phan Thị <i>Thanh</i>	03/05/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448244		244 /2009		
245	Nguyễn Thị Thu <i>Thảo</i>	01/01/1988	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448245		245 /2009		
246	Nguyễn Thị <i>Thoa</i>	19/06/1988	Nữ	Kinh	C19.2	Nghệ An	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448246		246 /2009		
247	Phạm Thị Minh <i>Thu</i>	22/07/1987	Nữ	Kinh	C19.2	Nghệ An	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448247		247 /2009		
248	Nguyễn Thị Thu <i>Thuận</i>	30/10/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448248		248 /2009		
249	Huỳnh Thị <i>Thương</i>	01/01/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448249		249 /2009		
250	Phạm Thị <i>Thương</i>	09/09/1985	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448250		250 /2009		

stt	Họ và tên người học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành Đào tạo Chuyên ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng	
															Ký	Họ và tên
251	Trần Thị Thu <i>Thủy</i>	25/10/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448251	387/QĐ-TCĐL TTP-ĐT	251 /2009		
252	Lê Thị <i>Thúy</i>	26/07/1988	Nữ	Kinh	C19.2	Nghệ An	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448252		252 /2009		
253	Võ Tấn <i>Tiến</i>	16/03/1989	Nam	Kinh	C19.2	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448253		253 /2009		
254	Trương Thị <i>Tín</i>	16/03/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	Giỏi	CQui	A 448254		254 /2009		
255	Trần Thị <i>Trang</i>	10/05/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	CB&BQTP	Khá	CQui	A 448255		255 /2009		
256	Trần Thị Kim <i>Yến</i>	02/10/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB Khá	CQui	A 448256		256 /2009		
257	Châu Thị Ngọc <i>Chi</i>	27/01/1989	Nữ	Kinh	A31.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	TB khá	CQui	7390		257 /2009		
258	Nguyễn Thị Bích <i>Dâng</i>	11/03/1989	Nữ	Kinh	A31.1	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TB khá	CQui	7391		258 /2009		
259	Nguyễn Thị Anh <i>Đào</i>	21/05/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	7392		259 /2009		
260	Nguyễn Thị <i>Lụa</i>	07/04/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	8648		260 /2009		
261	Nguyễn Thị Kim <i>Loan</i>	01/06/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Gia Lai	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	7394		261 /2009		
262	Lê Thị Hoàng <i>My</i>	20/08/1989	Nữ	Kinh	A31.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TB khá	CQui	7395		262 /2009		
263	Ngô Thị Nhã <i>Phương</i>	07/12/1989	Nữ	Kinh	A31.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	7396		263 /2009		
264	Nguyễn Thị <i>Thành</i>	09/06/1989	Nữ	Kinh	A31.1	Nghệ An	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	7397		264 /2009		
265	Nguyễn Thị <i>Thúy</i>	07/09/1988	Nữ	Kinh	A31.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	7398		265 /2009		
266	Nguyễn Thị <i>Thu</i>	15/08/1989	Nữ	Kinh	A31.1	Quảng Bình	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	7399		266 /2009		
267	Lê Thị Mỹ <i>Tú</i>	03/08/1987	Nữ	Kinh	A31.1	Q.Nam Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	7400		267 /2009		
268	Trương Thị Thùy <i>Trang</i>	10/10/1987	Nữ	Kinh	A31.1	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	7401		268 /2009		
269	Phan Thị Cẩm <i>Viên</i>	05/12/1987	Nữ	Kinh	A31.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	7402		269 /2009		
270	Nguyễn Thị Lệ <i>Chi</i>	02/02/1989	Nữ	Kinh	A31.2	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TB khá	CQui	7403		270 /2009		
271	Nguyễn Thị Mỹ <i>Dung</i>	25/02/1988	Nữ	Kinh	A31.2	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TB khá	CQui	7404		271 /2009		
272	Lê Kim <i>Hoàn</i>	15/07/1986	Nữ	Kinh	A31.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	7405		272 /2009		
273	Phan Thị Thu <i>Huyền</i>	09/09/1986	Nữ	Kinh	A31.2	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	HTKT	TB khá	CQui	7406		273 /2009		
274	Hoàng Thị Hạ <i>Mi</i>	24/11/1988	Nữ	Kinh	A31.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TBinh	CQui	7407		274 /2009		
275	Nguyễn Thị Mỹ <i>Ngọc</i>	12/01/1989	Nữ	Kinh	A31.2	Bình Trị Thiên	2007-2009	2009	HTKT	TB khá	CQui	7408		275 /2009		

stt	Họ và tên người học		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành Đào tạo Chuyên ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng	
																Ký	Họ và tên
276	Nguyễn Thị Mỹ	<i>Như</i>	02/02/1988	Nữ	Kinh	A31.2	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TBình	CQui	7409	585/QĐ-TCĐLTTP-ĐT ngày 27/10/2009	276 /2009		
277	Nguyễn Thị	<i>Quyền</i>	01/03/1985	Nữ	Kinh	A31.2	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TB khá	CQui	7410		277 /2009		
278	Nguyễn Thị Cẩm	<i>Tú</i>	20/02/1989	Nữ	Kinh	A31.2	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TB khá	CQui	7411		278 /2009		
279	Nguyễn Thị Hồng	<i>Vân</i>	09/04/1988	Nữ	Kinh	A31.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	TBình	CQui	7412		279 /2009		
280	Nguyễn Thị Kiều	<i>Diễm</i>	10/06/1989	Nữ	Kinh	A31.3	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	HTKT	TBình	CQui	7413		280 /2009		
281	Võ Thị Thu	<i>Hà</i>	12/05/1988	Nữ	Kinh	A31.3	Quảng Nam	2007-2009	2009	HTKT	TBình	CQui	7414		281 /2009		
282	Lê Thị Thanh	<i>Hoa</i>	19/01/1989	Nữ	Kinh	A31.3	Thanh Hoá	2007-2009	2009	HTKT	TBình	CQui	7415		282 /2009		
283	Lê Thị	<i>Liên</i>	20/09/1987	Nữ	Kinh	A31.3	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	HTKT	TBình	CQui	7416		283 /2009		
284	Nguyễn Thị Kim	<i>Loan</i>	26/03/1988	Nữ	Kinh	A31.3	Bình Định	2007-2009	2009	HTKT	TBình	CQui	7417		284 /2009		
285	Nguyễn Thị	<i>Mến</i>	29/11/1989	Nữ	Kinh	A31.3	Thái Bình	2007-2009	2009	HTKT	TBình	CQui	7418		285 /2009		
286	Trương Thị Cẩm	<i>Tú</i>	28/04/1988	Nữ	Kinh	A31.3	Đà Nẵng	2007-2009	2009	HTKT	TBình	CQui	7419		286 /2009		
287	Lê Thị Huyền	<i>Trinh</i>	05/08/1986	Nữ	Kinh	A31.3	Huế	2007-2009	2009	HTKT	TBình	CQui	7420		287 /2009		
288	Nguyễn Thị Mỹ	<i>An</i>	16/05/1989	Nữ	Kinh	AH14.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	7421		288 /2009		
289	Đặng Ngọc	<i>Chiến</i>	24/11/1989	Nam	Kinh	AH14.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	7422		289 /2009		
290	Vũ Thị Kim	<i>Hằng</i>	19/05/1988	Nữ	Kinh	AH14.1	QN Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	7423		290 /2009		
291	Trần Thị	<i>Mỹ</i>	04/06/1989	Nữ	Kinh	AH14.1	Nam Định	2007-2009	2009	KTTH	TB khá	CQui	7424		291 /2009		
292	Trịnh Thị	<i>Phụng</i>	10/03/1989	Nữ	Kinh	AH14.1	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	7425		292 /2009		
293	Nguyễn Ngọc	<i>Quốc</i>	29/05/1989	Nam	Kinh	AH14.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	KTTH	TB khá	CQui	7426		293 /2009		
294	Mai Ngọc	<i>Thành</i>	14/09/1989	Nam	Kinh	AH14.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	7427		294 /2009		
295	Nguyễn Thị	<i>Thanh</i>	20/10/1988	Nữ	Kinh	AH14.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	7428		295 /2009		
296	Phan Thị Ngọc	<i>Trinh</i>	01/01/1989	Nữ	Kinh	AH14.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	7429		296 /2009		
297	Hoàng Thị	<i>Yến</i>	16/09/1989	Nữ	Kinh	AH14.1	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	7430		297 /2009		
298	Nguyễn Thị Minh	<i>Hiếu</i>	13/05/1986	Nữ	Kinh	AH14.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	TB khá	CQui	7431		298 /2009		
299	Dương Thị Ánh	<i>Hồng</i>	15/06/1987	Nữ	Kinh	AH14.2	Bình Trị Thiên	2007-2009	2009	KTTH	TB khá	CQui	7432		299 /2009		
300	Thái Thị	<i>Kiều</i>	01/07/1987	Nữ	Kinh	AH14.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	KTTH	TB khá	CQui	7433		300 /2009		

stt	Họ và tên người học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành Đào tạo Chuyên ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng	
															Ký	Họ và tên
301	Đào Thị Tuyết <i>Ly</i>	14/09/1987	Nữ	Kinh	AH14.2	Bình Định	2007-2009	2009	KTTH	TB khá	CQui	7434	585/QĐ-TCĐLTTP-ĐT ngày 27/10/2009	301 /2009		
302	Hoàng Thị Tuyết <i>Nhung</i>	18/02/1987	Nữ	Kinh	AH14.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	7435		302 /2009		
303	Phạm Thị <i>Nhung</i>	23/02/1986	Nữ	Kinh	AH14.2	Quảng Trị	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	7436		303 /2009		
304	Lê Thị Diệu <i>Phượng</i>	05/01/1988	Nữ	Kinh	AH14.2	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	7437		304 /2009		
305	Nguyễn Thị Hồng <i>Thảo</i>	30/09/1987	Nữ	Kinh	AH14.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	7438		305 /2009		
306	Nguyễn Thị <i>Thủy</i>	27/04/1989	Nữ	Kinh	AH14.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	KTTH	TB khá	CQui	7439		306 /2009		
307	Phan Thị Như <i>Thủy</i>	19/07/1988	Nữ	Kinh	AH14.2	Quảng Bình	2007-2009	2009	KTTH	TB khá	CQui	7440		307 /2009		
308	Phan Thị <i>Thuận</i>	10/02/1986	Nữ	Kinh	AH14.2	Đắk Lắk	2007-2009	2009	KTTH	TB khá	CQui	7441		308 /2009		
309	Hồ Thị Như <i>Ý</i>	02/05/1988	Nữ	Kinh	AH14.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	KTTH	TBình	CQui	7442		309 /2009		
310	Võ Thị Như <i>Hoa</i>	23/07/1987	Nữ	Kinh	AH13.2	Đà Nẵng	2006-2008	2009	KTTH	TBình	CQui	7443		310 /2009		
311	Phan Thị <i>Lưu</i>	28/06/1986	Nữ	Kinh	AH13.2	Bình Định	2006-2008	2009	KTTH	TBình	CQui	7444		311 /2009		
312	Thái Hoài <i>Bảo</i>	17/12/1988	Nam	Kinh	C19.1	Quảng Bình	2007-2009	2009	CB&BQTP	TBình	CQui	7445		312 /2009		
313	Nguyễn Thị <i>Châu</i>	14/02/1988	Nữ	Kinh	C19.1	Nghệ An	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB khá	CQui	7446		313 /2009		
314	Võ Thị Thu <i>Hằng</i>	28/12/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Quảng Trị	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB khá	CQui	7447		314 /2009		
315	Hồ Thị Thảo <i>Hiền</i>	20/10/1989	Nữ	Kinh	C19.1	Q.Nam Đà Nẵng	2007-2009	2009	CB&BQTP	TBình	CQui	7448		315 /2009		
316	Nguyễn Thị Thanh <i>Hóa</i>	25/11/1986	Nữ	Kinh	C19.1	Đà Nẵng	2007-2009	2009	CB&BQTP	TBình	CQui	7449		316 /2009		
317	Hoàng Thị <i>Loan</i>	14/10/1987	Nữ	Kinh	C19.1	Hà Tĩnh	2007-2009	2009	CB&BQTP	TB khá	CQui	7450		317 /2009		
318	Đặng Đình <i>Long</i>	20/03/1988	Nam	Kinh	C19.1	Quảng Nam	2007-2009	2009	CB&BQTP	TBình	CQui	7451		318 /2009		
319	Mai Thị <i>Tuyền</i>	02/12/1985	Nữ	Kinh	C19.1	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	TBình	CQui	7452		319 /2009		
320	Nguyễn Văn <i>Chiến</i>	03/06/1988	Nam	Kinh	C19.2	Quảng Trị	2007-2009	2009	CB&BQTP	TBình	CQui	7453		320 /2009		
321	Nguyễn Thị <i>Dung</i>	10/10/1987	Nữ	Kinh	C19.2	Thừa Thiên Huế	2007-2009	2009	CB&BQTP	TBình	CQui	7454		321 /2009		
322	Lê Thị <i>Hiện</i>	15/02/1987	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Bình	2007-2009	2009	CB&BQTP	TBình	CQui	7455		322 /2009		
323	Phạm Thị Ngọc <i>Hiếu</i>	27/09/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Khánh Hoà	2007-2009	2009	CB&BQTP	TBình	CQui	7456		323 /2009		
324	Huỳnh Thị Thu <i>Hồng</i>	09/10/1988	Nữ	Kinh	C19.2	Đà Nẵng	2007-2009	2009	CB&BQTP	TBình	CQui	7457		324 /2009		
325	Nguyễn Thị Nhật <i>Lệ</i>	11/02/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Nam	2007-2009	2009	CB&BQTP	TBình	CQui	7458		325 /2009		

stt	Họ và tên người học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Nơi sinh	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Ngành Đào tạo Chuyên ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Hình thức đào tạo	Số hiệu văn bằng	Số Quyết định tốt nghiệp	Vào sổ cấp bằng số	Người nhận bằng	
															Ký	Họ và tên
326	Lê Diệu <i>Nhân</i>	16/07/1988	Nam	Kinh	C19.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	TBình	CQui	7459		326 /2009		
327	Nguyễn Xuân <i>Phong</i>	02/02/1989	Nam	Kinh	C19.2	Bình Định	2007-2009	2009	CB&BQTP	TBình	CQui	7460		327 /2009		
328	Bùi Thị Mỹ <i>Trang</i>	28/04/1989	Nữ	Kinh	C19.2	Quảng Ngãi	2007-2009	2009	CB&BQTP	TBình	CQui	7461		328 /2009		
329	Hoàng Thị Thuỷ <i>Triều</i>	22/12/1989	Nữ	Kinh	C19.2	ĐăkLăk	2007-2009	2009	CB&BQTP	TBình	CQui	7462		329 /2009		

Ghi chú:

HTKT: Hạch toán kế toán

KTTH: Kế toán tin học

CB&BQTP: Chế biến và bảo quản thực phẩm